|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ TƯ PHÁP**Số: /2020/TT-BTP | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Hà Nội, ngày tháng năm 2020* |

**THÔNG TƯ**

**Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức trợ giúp viên pháp lý**

*Căn cứ Luật Trợ giúp pháp lý ngày 20 tháng 6 năm 2017;*

*Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;* *Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;*

*Căn cứ Nghị định số*[*204/2004/NĐ-CP*](http://thukyluat.vn/tim-kiem/?keyword=204/2004/N%C4%90-CP&match=True&area=2&lan=1)*ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang; Nghị định số*[*17/2013/NĐ-CP*](http://thukyluat.vn/tim-kiem/?keyword=17/2013/N%C4%90-CP&match=True&area=2&lan=1)*ngày 19 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số*[*204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004*](http://thukyluat.vn/tim-kiem/?keyword=204/2004/N%C4%90-CP&match=True&area=2&lan=1&bday=14/12/2004&eday=14/12/2004)*của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;*

*Căn cứ Nghị định số*[*96/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017*](http://thukyluat.vn/tim-kiem/?keyword=22/2013/N%C4%90-CP&match=True&area=2&lan=1&bday=13/3/2013&eday=13/3/2013)*của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;*

*Trên cơ sở ý kiến thống nhất của Bộ Nội vụ;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Trợ giúp pháp lý;*

*Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Thông tư quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức trợ giúp viên pháp lý.*

**Chương I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Thông tư này quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trợ giúp viên pháp lý.

2. Thông tư này áp dụng đối với viên chức trợ giúp viên pháp lý làm việc tại các Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước.

**Điều 2. Mã số và phân hạng chức danh nghề nghiệp viên chức trợ giúp viên pháp lý**

*1. Trợ giúp viên pháp lý hạng I - Mã số: ………*

2. Trợ giúp viên pháp lý hạng II - Mã số: ……..

3. Trợ giúp viên pháp lý hạng III - Mã số: …….

**Chương II**

**TIÊU CHUẨN CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP**

**Điều 3. Tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp của viên chức trợ giúp viên pháp lý**

1. Thực hiện theo các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của viên chức Ngành Tư pháp.

2. Thực hiện theo các quy định, quy tắc nghề nghiệp trợ giúp pháp lý.

***Điều 4: Trợ giúp viên pháp lý hạng I – Mã số: ………….***

*1. Nhiệm vụ*

*a) Thực hiện trợ giúp pháp lý theo quy định của pháp luật về trợ giúp pháp lý;*

*b) Thẩm định chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý do trợ giúp viên pháp lý hạng I, trợ giúp viên pháp lý hạng II, trợ giúp viên pháp lý hạng III và người thực hiện trợ giúp pháp lý khác thực hiện;*

*c) Tham mưu cho Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về các vấn đề liên quan đến việc giải quyết vụ việc trợ giúp pháp lý;*

*d) Chủ trì nghiên cứu, xây dựng hoặc tổ chức thực hiện văn bản, chương trình, kế hoạch trợ giúp pháp lý;*

*đ) Tổ chức biên soạn chương trình, tài liệu bồi dưỡng nghiệp vụ trợ giúp pháp lý;*

*e) Tổ chức hoặc tham gia bồi dưỡng, hướng dẫn nghiệp vụ và kỹ năng trợ giúp pháp lý cho trợ giúp viên pháp lý hạng I, trợ giúp viên pháp lý hạng II, trợ giúp viên pháp lý hạng III và người thực hiện trợ giúp pháp lý khác;*

*g) Tổ chức rà soát, nghiên cứu, đề xuất, kiến nghị nhằm hoàn thiện văn bản pháp luật có liên quan đến hoạt động trợ giúp pháp lý và đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác trợ giúp pháp lý;*

*i) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công.*

*2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng*

*a) Có bằng cử nhân luật trở lên;*

*b) Có chứng chỉ đào tạo nghề luật sư hoặc thuộc trường hợp được miễn đào tạo nghề luật sư;*

*c) Có giấy chứng nhận kết quả kiểm tra tập sự luật sư hoặc kiểm tra tập sự trợ giúp pháp lý;*

*d) Có chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp trợ giúp viên pháp lý hạng I.*

*3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ*

*a) Nắm vững và có năng lực vận dụng các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước trong công tác trợ giúp pháp lý;*

*b) Có kiến thức sâu, rộng về các lĩnh vực pháp luật có liên quan đến trợ giúp pháp lý;*

*c) Thực hiện thành thạo các nghiệp vụ trợ giúp pháp lý; chủ trì triển khai có hiệu quả các hoạt động trợ giúp pháp lý;*

*d) Được Cục Trợ giúp pháp lý xác định có ít nhất 02 vụ việc trợ giúp pháp lý trong lĩnh vực tố tụng thành công;*

*đ) Có kỹ năng soạn thảo văn bản kiến nghị về các vấn đề liên quan đến việc giải quyết vụ việc trợ giúp pháp lý;*

*e) Có năng lực hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng trợ giúp pháp lý cho trợ giúp viên pháp lý hạng II, trợ giúp viên pháp lý hạng III và người thực hiện trợ giúp pháp lý khác;*

*g) Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin và sử dụng ngoại ngữ trong thực hiện các nhiệm vụ của chức danh trợ giúp viên pháp lý (hạng I);*

*h) Viên chức thăng hạng từ chức danh trợ giúp viên pháp lý hạng II lên chức danh trợ giúp viên pháp lý hạng I phải có thời gian giữ chức danh trợ giúp viên pháp lý hạng II hoặc tương đương tối thiểu đủ 06 (sáu) năm, trong đó thời gian giữ chức danh trợ giúp viên pháp lý hạng II tối thiểu là 01 (một) năm.*

**Điều 5. Trợ giúp viên pháp lý hạng II - Mã số:**

1. Nhiệm vụ

a) Thực hiện trợ giúp pháp lý *theo quy định của pháp luật về trợ giúp pháp lý;*

*b) Thẩm định chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý của trợ giúp viên pháp lý hạng II, trợ giúp viên pháp lý hạng III, người thực hiện trợ giúp pháp lý khác theo sự phân công;*

c) Nghiên cứu, xây dựng hoặc tổ chức thực hiện văn bản, chương trình, kế hoạch trợ giúp pháp lý; tham gia xây dựng các văn bản, chương trình, kế hoạch trợ giúp pháp lý được phân công;

đ) Tổ chức hoặc tham gia biên soạn chương trình, tài liệu bồi dưỡng nghiệp vụ trợ giúp pháp lý;

e) Tổ chức hoặc tham gia bồi dưỡng, hướng dẫn nghiệp vụ và kỹ năng trợ giúp pháp lý cho trợ giúp viên pháp lý hạng III và người thực hiện trợ giúp pháp lý khác;

g) Thực hiện các nhiệm vụ khác được phân công.

2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Có bằng cử nhân luật trở lên;

*b) Có chứng chỉ đào tạo nghề luật sư hoặc thuộc trường hợp được miễn đào tạo nghề luật sư;*

*c) Có giấy chứng nhận kết quả kiểm tra tập sự luật sư hoặc kiểm tra tập sự trợ giúp pháp lý;*

*d) Có chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp trợ giúp viên pháp lý hạng II.*

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm vững và có năng lực vận dụng các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước trong công tác trợ giúp pháp lý;

b) Có kiến thức rộng về hệ thống pháp luật và chuyên sâu về lĩnh vực pháp luật được phân công;

c) Thực hiện thành thạo các nghiệp vụ trợ giúp pháp lý; triển khai có hiệu quả các hoạt động trợ giúp pháp lý;

*d) Được Cục Trợ giúp pháp lý xác định có ít nhất 01 vụ việc trợ giúp pháp lý trong lĩnh vực tố tụng thành công;*

đ) Có năng lực hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng trợ giúp pháp lý cho trợ giúp viên pháp lý hạng III và người thực hiện trợ giúp pháp lý khác;

*e) Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin và sử dụng ngoại ngữ trong thực hiện các nhiệm vụ của chức danh trợ giúp viên pháp lý (hạng II);*

g) Viên chức thăng hạng từ chức danh trợ giúp viên pháp lý hạng III lên chức danh trợ giúp viên pháp lý hạng II phải có thời gian giữ chức danh trợ giúp viên pháp lý hạng III hoặc tương đương tối thiểu đủ 09 (chín) năm, trong đó thời gian gần nhất giữ chức danh trợ giúp viên pháp lý hạng III tối thiểu đủ 01 (một) năm.

**Điều 6. Trợ giúp viên pháp lý hạng III - Mã số: V………**

1. Nhiệm vụ

a) Thực hiện trợ giúp pháp lý *theo quy định của pháp luật về trợ giúp pháp lý;*

*b) Thẩm định chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý theo sự phân công;*

c) Tham gia nghiên cứu, xây dựng chương trình, kế hoạch, văn bản trợ giúp pháp lý ở địa phương; tham gia biên soạn chương trình, tài liệu hoặc tham gia tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ trợ giúp pháp lý theo phân công;

d) Thực hiện các nhiệm vụ khác được phân công.

2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Có bằng cử nhân luật trở lên;

*b) Có chứng chỉ đào tạo nghề luật sư hoặc thuộc trường hợp được miễn đào tạo nghề luật sư;*

*c) Có giấy chứng nhận kết quả kiểm tra tập sự luật sư hoặc kiểm tra tập sự trợ giúp pháp lý;*

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Có năng lực vận dụng các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước trong công tác trợ giúp pháp lý;

b) Có kiến thức, hiểu biết sâu về lĩnh vực pháp luật trợ giúp pháp lý được phân công; thực hiện thành thạo các nghiệp vụ trợ giúp pháp lý; độc lập, chủ động triển khai các hoạt động nghiệp vụ trợ giúp pháp lý;

c) Có năng lực hướng dẫn nghiệp vụ, kỹ năng trợ giúp pháp lý cho người thực hiện trợ giúp pháp lý;

*d) Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin và sử dụng ngoại ngữ trong thực hiện các nhiệm vụ của chức danh trợ giúp viên pháp lý (hạng III).*

Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức, sỹ quan Quân đội nhân dân, sỹ quan Công an nhân dân công tác ở cơ quan, tổ chức, đơn vị khác chuyển sang tổ chức trợ giúp pháp lý thì phải có thời gian ít nhất 01 (một) năm giữ ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp, cấp hàm tương đương chức danh trợ giúp viên pháp lý hạng III.

**Chương III**

**HƯỚNG DẪN BỔ NHIỆM VÀ XẾP LƯƠNG THEO CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP**

**Điều 7. Nguyên tắc bổ nhiệm và xếp lương theo chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trợ giúp viên pháp lý**

1. Việc bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trợ giúp viên pháp lý phải bảo đảm đáp ứng đúng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp được bổ nhiệm.

2. Khi bổ nhiệm từ ngạch viên chức hiện giữ vào chức danh nghề nghiệp viên chức trợ giúp viên pháp lý không được kết hợp nâng bậc lương hoặc thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

**Điều 8. Các trường hợp bổ nhiệm chuyển từ chức danh tương đương vào chức danh nghề nghiệp viên chức trợ giúp viên pháp lý**

Viên chức được bổ nhiệm chức danh trợ giúp viên pháp lý mà đã hoặc đang giữ chức danh khác, nay được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp viên chức trợ giúp viên pháp lý như sau:

1. Bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp trợ giúp viên pháp lý hạng I (mã số………) đối với người đã hoặc đang giữ ngạch chuyên viên cao cấp (mã số 01.001) hoặc tương đương.

2. Bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp trợ giúp viên pháp lý hạng II (mã số……. ) đối với người đã hoặc đang giữ ngạch trợ giúp viên pháp lý chính (mã số 03.289) và người đã hoặc đang giữ ngạch chuyên viên chính (01.002) hoặc tương đương.

3. Bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp trợ giúp viên pháp lý hạng III (mã số………) đối với người đã hoặc đang giữ ngạch trợ giúp viên pháp lý (mã số 03.290) và người đã hoặc đang giữ ngạch chuyên viên (01.003) hoặc tương đương.

**Điều 9. Cách xếp lương**

1. Chức danh nghề nghiệp viên chức trợ giúp viên pháp lý được áp dụng Bảng lương chuyên môn, nghiệp vụ đối với cán bộ, viên chức trong các đơn vị sự nghiệp của Nhà nước (Bảng 3) ban hành kèm theo Nghị định số [204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004](http://thukyluat.vn/tim-kiem/?keyword=204/2004/N%C4%90-CP&match=True&area=2&lan=1&bday=14/12/2004&eday=14/12/2004)của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang và Nghị định số [17/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2013](http://thukyluat.vn/tim-kiem/?keyword=17/2013/N%C4%90-CP&match=True&area=2&lan=1&bday=19/02/2013&eday=19/02/2013)của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số [204/2004/NĐ-CP,](http://thukyluat.vn/tim-kiem/?keyword=204/2004/N%C4%90-CP&match=True&area=2&lan=1)cụ thể như sau:

a) Chức danh nghề nghiệp trợ giúp viên pháp lý hạng I được áp dụng hệ số lương viên chức loại A3, nhóm A3.1 (từ hệ số lương từ 6.20 đến hệ số lương 8.00);

b) Chức danh nghề nghiệp trợ giúp viên pháp lý hạng II được áp dụng hệ số lương viên chức loại A2, nhóm A2.1 (từ hệ số lương từ 4,40 đến hệ số lương 6,78);

c) Chức danh nghề nghiệp trợ giúp viên pháp lý hạng III được áp dụng bảng lương viên chức loại A1 (từ hệ số lương từ 2,34 đến hệ số lương 4,98).

2. Việc xếp lương vào chức danh nghề nghiệp viên chức theo quy định tại khoản 1 Điều này đối với viên chức đã được xếp lương vào các ngạch theo quy định tại Thông tư số [06/2010/TT-BNV ngày 26 tháng 7 năm 2010](http://thukyluat.vn/tim-kiem/?keyword=06/2010/TT-BNV&match=True&area=2&lan=1&bday=26/7/2010&eday=26/7/2010)của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chức danh, mã số các ngạch viên chức trợ giúp viên pháp lý, Nghị định số [204/2004/NĐ-CP](http://thukyluat.vn/tim-kiem/?keyword=204/2004/N%C4%90-CP&match=True&area=2&lan=1)và Nghị định số [17/2013/NĐ-CP,](http://thukyluat.vn/tim-kiem/?keyword=17/2013/N%C4%90-CP&match=True&area=2&lan=1) được thực hiện như sau:

Trường hợp viên chức đủ điều kiện bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp có hệ số bậc lương bằng ở ngạch cũ thì thực hiện xếp ngang bậc lương và % (phần trăm) phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) đang hưởng ở ngạch cũ (kể cả tính thời gian xét nâng bậc lương lần sau hoặc xét hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung nếu có ở ngạch cũ) vào chức danh nghề nghiệp mới được bổ nhiệm.

3. Viên chức sau khi được thăng hạng, đã được cấp có thẩm quyền bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp theo quy định tại Thông tư này được xếp lương theo hướng dẫn tại khoản 1 Mục II Thông tư số 02/2007/TT-BNV ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn xếp lương khi nâng ngạch, chuyển ngạch, chuyển loại công chức, viên chức.

**Chương IV**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 10. Tổ chức thực hiện**

1. Thông tư này là căn cứ để thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức trợ giúp viên pháp lý.

*2. Bộ Tư pháp có trách nhiệm:*

*a) Quy định chi tiết về nội dung, chương trình, hình thức, thời gian bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức trợ giúp viên pháp lý;*

*b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ và các cơ quan có liên quan xây dựng chế độ, chính sách đặc thù đối với viên chức trợ giúp viên pháp lý trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ;*

*c) Tổ chức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức trợ giúp viên pháp lý hạng I.*

*Cục Trợ giúp pháp lý là đơn vị đầu mối giúp Bộ Tư pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ nêu trên.*

*Giao Học viện tư pháp chủ trì, phối hợp với Cục Trợ giúp pháp lý xây dựng chương trình đào tạo, bồi dưỡng các chức danh nghề nghiệp trợ giúp viên pháp lý theo quy định.*

**Điều 11. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2021 và thay thế Thông tư liên tịch số 08/2016/TTLT-BTP-BNV ngày 23/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức trợ giúp viên pháp lý.

 2. Cục trưởng Cục Trợ giúp pháp lý, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Giám đốc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước và các cá nhân, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành và tổ chức thực hiện Thông tư này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;- Văn phòng Chủ tịch nước;- Văn phòng Quốc hội;- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;- Cơ quan Trung ương của các hội, đoàn thể;- Vụ Pháp luật, Văn phòng Chính phủ;- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tư pháp;- Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;- Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;- Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;- Công báo, Cổng thông tin điện tử: Chính phủ, Bộ Tư pháp;- Lưu: VT, Cục TGPL. |  **BỘ TRƯỞNG****Lê Thành Long** |

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
|  |